

Bản án số: 43/2021/DS-ST
Ngày: 28-01-2021
V/v: “Đơn phương chấm dứt hợp đồng
ủy quyền”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mai Lan
2. Bà Lê Thị Hoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 359/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10
năm 2020, về việc: “*Đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền*” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 399/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 và
Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021,
giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T - sinh năm: 1978; Địa chỉ: Đường M,
Phường P, quận Q, Tp.HCM.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn T - sinh năm: 1974; Địa chỉ: Địa chỉ: Đường M,
Phường P, quận Q, Tp.HCM.

(Bà T có đơn xin vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do)

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện đề ngày **17/08/2020**, nộp cho Tòa án ngày **17/8/2020;**

Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2020, nộp cho Tòa ngày 10/9/2020 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Phạm Văn T là chủ sở hữu căn nhà tại địa chỉ: Đường M, Phường P, quận Q, Tp.HCM. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 2337/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận Q cấp ngày 12/9/2007.

Ngày 22/11/2010, tại Phòng Công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh bà đã ủy quyền cho ông Phạm Văn T được quyền thay mặt bà quản lý, sử dụng, cho thuê, thanh lý hợp đồng thuê, thế chấp, thế chấp đảm bảo nghĩa vụ cho bên thứ ba, xóa thế chấp, xin phép xây dựng, đóng các loại thuế, hoàn công, cấp đổi chủ quyền, bán, chuyển nhượng hoặc tặng cho, hủy hợp đồng bán, chuyển nhượng hoặc hủy hợp đồng tặng cho (kể cả trước và sau khi xây dựng, hoàn công, cấp đổi chủ quyền) mua, bán căn nhà nêu trên. Thời hạn ủy quyền: 20 năm.

Hiện tại, căn nhà tại đường Địa chỉ: Đường M, Phường P, quận Q ông T và bà T cùng ký thế chấp căn nhà trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 19311/20MN/HĐBĐ ngày 03/9/2020 tại Ngân hàng TMCP P; Để ông T, bà T ký Hợp đồng tín dụng số: 27736/20MN/HĐTD ngày 03/9/2020 với Ngân hàng TMCP P vay số tiền 500.000.000 đồng.

Bà T cho rằng hợp đồng ủy quyền cho ông T không cần thiết nữa, nên có đề nghị ông T hủy hợp đồng ủy quyền số 28352 do Phòng công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 22/11/2010 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T nhưng ông T không đồng ý. Do đó, ngày 22/7/2020, bà T có Thông báo cho ông T về việc chấm dứt Hợp đồng ủy quyền với ông T.

Nay, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau đây: Chấm dứt hợp đồng ủy quyền số: 28352 do Phòng công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 22/11/2010 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T.

Ông Phạm Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Phạm Văn T để tham gia xét xử nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy

định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ tranh chấp; Tổng đạt cho các đương sự đúng quy định tại Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Tiến hành phiên hòa giải đúng quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Quyết định đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại Khoản 2, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng ủy quyền, cả nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại quận Gò Vấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng ủy quyền công chứng số 28352 do Phòng công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 22/11/2010 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T.

* Về nội dung: “Bên B - ông T được quyền thay mặt bên A - bà T quản lý, sử dụng, cho thuê, thanh lý hợp đồng thuê, thế chấp, thế chấp đảm bảo nghĩa vụ cho bên thứ ba, xóa thế chấp, xin phép xây dựng, đóng các loại thuế, hoàn công, cấp đổi chủ quyền, bán, chuyển nhượng hoặc tặng cho, hủy hợp đồng bán, chuyển nhượng hoặc hủy hợp đồng tặng cho (kể cả trước và sau khi xây dựng, hoàn công, cấp đổi chủ quyền) mua, bán căn nhà Địa chỉ: Đường M, Phường P, quận Q.”

Hội đồng xét xử nhận thấy các nội dung ủy quyền này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

* Về hình thức: hợp đồng đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật tại thời điểm giao kết.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng ủy quyền giữa bà T và ông T là đúng theo quy định pháp luật tại Điều 562, 569 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền công chứng số 28352 do Phòng công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 22/11/2010 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 569 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“...2. Trường hợp ủy quyền không có thù lao, bên được ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên ủy quyền biết một thời gian hợp lý; nếu ủy quyền có thù lao thì bên được ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào và phải bồi thường thiệt hại cho bên ủy quyền, nếu có..”*

Xét, Hợp đồng ủy quyền trên tại Điều 2 “thù lao ủy quyền: không” và bà T cũng đã thông báo cho ông T về việc đơn phương chấm dứt việc ủy quyền trước khi khởi kiện ra tòa án.

Như vậy, bà T đã thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 569 Bộ luật dân sự 2015.

Từ những phân tích trên đã có đủ cơ sở khẳng định bà T đã thực hiện đúng quy định pháp luật về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền, nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0027004 ngày 218/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 562, khoản 2 Điều 569 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số: 28352 do Phòng công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 22/11/2010 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0027004 ngày 218/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Đương sự có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án theo các Điều 7, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục THADS Q.Gò Vấp;
- PCC K, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Hoàng